

Bản án số: 199/2022/DS-PT

Ngày: 13/9/2022

V/v tranh chấp: “*Quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hà

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Trường

Ông Đặng Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:

Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2022 về việc tranh chấp “*Quyền sử dụng đất*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DSST, ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Tòa án Nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 219/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Bà **Nguyễn Thị Thanh X** - Sinh năm 1959; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thanh X: Bà **Nguyễn Thị Thanh T** - Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 27/3/2020 – Có mặt).

2/ Bà **Nguyễn Thị Thanh T** – Sinh năm 1965; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

3/ Ông **Nguyễn Thành L1** – Sinh năm 1961; nơi cư trú: Khóm X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

4/ Ông **Nguyễn Thành C1** – Sinh năm 1967; nơi cư trú: Khóm X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

- Bị đơn:

1/ Ông **Nguyễn Thành D** – Sinh năm 1968; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

2/ Bà **Phạm Thị C2** – Sinh năm 1968; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị C2: Ông **Nguyễn Thành D**; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 25/9/2020 - Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Nguyễn Thị Thanh M1** – Sinh năm 1959; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

2/ Bà **Nguyễn Thị Thanh H** – Sinh năm 1956; nơi cư trú: Khóm X, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

3/ Bà **Nguyễn Thị Thanh L2** – Sinh năm 1962; nơi cư trú: Khóm Y, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

4/ Ông **Nguyễn Thành Q** – Sinh năm 1957; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- Người kháng cáo: Bà **Nguyễn Thị Thanh X**, ông **Nguyễn Thành L1**, bà **Nguyễn Thị Thanh T** và ông **Nguyễn Thành C1** – là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 01/11/2019, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 06/7/2021 và các lời khai trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, các nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh X, bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Thanh L1, ông Nguyễn Thành C1 trình bày:

Cha các đương sự là cụ Nguyễn Thành M2 (chết năm 2008) và mẹ là cụ Dương Thị N (chết năm 2018). Cụ M2 và cụ N có tất cả 09 người con gồm: bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Nguyễn Thành Q, bà Nguyễn Thị Thanh X, bà Nguyễn Thị Thanh M1, ông Nguyễn Thành L1, bà Nguyễn Thị Thanh L2, bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Thành C1, ông Nguyễn Thành D, ngoài ra không còn người con nào khác. Cụ M2 và cụ N chết không để lại di chúc.

Năm 2007, cụ M2 có cho bà X số tiền 200.000.000đ để mua đất cất nhà sinh sống; bà X đưa tiền cho ông D giữ giùm. Sau đó, bà X mua của bà Võ Thị H1 phần đất thửa 184, diện tích 575m², loại đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long với giá 175.000.000đ; trên đất có một căn nhà lá; khi mua đất có ông D cùng đi chung. Ngày 09/10/2007, bà X được Ủy ban nhân dân huyện Vũng Liêm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 184. Sau khi mua phần đất thửa 184, bà X không có sinh sống trên phần đất này mà để lại cho vợ chồng ông D sinh sống; còn bà thì sống cùng bà Nguyễn Thị Thanh T tại phần đất của cha mẹ bà chết để lại.

Ngày 12/10/2015, bà X làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất 184 cho em ruột là ông Nguyễn Thành D. Ngày 15/10/2016, ông D được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 310 (thửa cũ 184), diện tích 586,1m², loại đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm. Việc bà X tặng cho ông D thửa đất 184 là do sự tự nguyện, không ai ép buộc, không có điều kiện; tuy nhiên, bà có nói với ông D là phần đất 586,1m² mỗi người hưởng phân nửa nhưng không có làm văn bản.

Bà X, bà T, ông L1 và ông C1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

+ Bà X yêu cầu ông D và bà C2 phải trả lại cho bà X phần đất theo đo đạc thực tế là 126,9m², thửa 310-2, trong đó có 60m² đất ở tại nông thôn và 66,9m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long để bà X đứng tên quyền sử dụng đất;

+ Bà X, bà T, ông L1 và ông C1 yêu cầu ông D và bà C2 trả lại phần đất theo đo đạc thực tế là 126,6m², thửa 310-3, trong đó có 60m² đất ở tại nông thôn và 66,6m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long để 08 anh, chị, em của các ông bà, trừ ông D ra, cùng đứng tên quyền sử dụng đất làm đất hương hỏa chôn cất cha mẹ.

Về cây trồng, nhà ở, vật kiến trúc trên phần đất tranh chấp: Bà X không đồng ý bồi thường cho ông D và bà C2 do bà đã lớn tuổi không có tiền để bồi thường. Bà T, ông C1 và ông L1 đồng ý hoàn trả giá trị cây trồng, nhà ở, vật kiến trúc trên phần đất tranh chấp thuộc thửa 310-2 cho ông D và bà C2 theo Biên bản định giá tài sản ngày 11/8/2020 thay cho bà X.

Bà X, bà T, ông L1 và ông C1 không đồng ý theo yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Thanh M1, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh L2 và ông Nguyễn Thành Q.

- *Tại các lời khai trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Thành D trình bày:*

Ông D thống nhất theo lời trình bày của bà X về họ tên cha, mẹ và các con của cụ M2 và cụ N. Năm 2004, cụ M2 trúng số nên có cho ông D và bà X số tiền 200.000.000đ để mua đất cất nhà sinh sống, các anh chị em còn lại cụ M2 cho mỗi người 20.000.000đ. Năm 2007, ông D và bà X dùng số tiền cụ M2 cho để mua của bà Võ Thị H1 phần đất thửa 184, diện tích 575m², loại ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long với giá 175.000.000đ, số tiền còn lại ông D và bà X chia nhau tiêu xài. Sau khi mua đất, ông D để cho bà X làm thủ tục kê khai đăng ký và đứng tên quyền sử dụng đất do ông X làm ăn xa, sinh sống nhờ bên nhà vợ chưa có tiền cất nhà nên để bà X đứng tên giùm luôn phần đất của ông D. Sau khi ông D cất nhà, bà X không sinh sống trên phần đất này mà để cho vợ chồng ông D sinh sống; bà X vẫn sống chung với bà T trong căn nhà thờ do cha mẹ chết để lại. Do chị em thuận thảo, bà X không có nhu cầu sử dụng đất nên bà X tự nguyện tặng cho lại

cho ông D toàn bộ phần đất thuộc thửa 184 để vợ chồng ông D cất nhà sinh sống, nếu bà X đồng ý sống chung với vợ chồng ông D thì vợ chồng ông D nuôi bà X.

Ngày 21/06/2012, bà X có làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất 184 cho ông Nguyễn Thành D, có xác nhận của chính quyền địa phương. Ngày 15/10/2016, ông D được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 310 (thửa cũ 184), diện tích 586,1m², loại đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm. Khi ông D và bà C2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các anh, chị, em ông đều biết và không ai tranh chấp. Do vậy phần đất thuộc thửa 310 diện tích 586,1m² thuộc quyền quản lý sử dụng đất hợp pháp của ông D và bà C2, không phải là di sản thừa kế của cụ M2 chết để lại nên các nguyên đơn không có quyền yêu cầu chia phần đất này.

Tháng 03 năm 2019, bà X, bà T, ông C1, ông L1 yêu cầu mở lối đi có chiều ngang 5m đến khu nhà mồ chôn cất cha mẹ trên thửa đất 310, do diện tích lối đi quá rộng nên ông D chỉ đồng ý mở lối đi 3m, các bên không thỏa thuận được nên xảy ra tranh chấp. Trên phần đất thửa 310 có căn nhà cấp 4 do vợ chồng ông D, bà C2 đang sinh sống và có mồ mã cha mẹ và con trai ông D.

Ông D không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà X, ông C1, bà T và ông L1. Ông D tự nguyện giao phần đất diện tích 90,7m², thuộc thửa 310, loại đất cây lâu năm (theo sơ đồ tách diện tích đất của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long) để ông D, bà X, bà T, ông C1, ông L1, bà M1, ông Q, bà H và bà L2 cùng đứng tên quyền sử dụng đất. Về cây trồng, hàng rào và vật kiến trúc trên phần đất 90,7m², thuộc thửa 310 thì ông D đồng ý để cho các anh, chị, em cùng đứng tên quyền sử dụng đất quản lý, sử dụng, không yêu hoàn trả lại giá trị cho ông.

Ông D không đồng ý theo yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh L2 và ông Nguyễn Thành Q; đồng ý theo yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Thanh M1.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Phạm Thị C2 do ông Nguyễn Thành D đại diện trình bày:

Bà C2 thống nhất theo ý kiến trình bày của ông D, không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Bà C2 tự nguyện giao phần đất diện tích 90,7m², thuộc thửa 310, loại đất cây lâu năm (theo sơ đồ tách diện tích đất của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long) để ông D, bà X, bà T, ông C1, ông L1, bà M1, ông Q, bà H, bà L2 cùng đứng tên quyền sử dụng đất. Về cây trồng, hàng rào và vật kiến trúc trên phần đất 90,7m², thuộc thửa 310, bà đồng ý để cho các anh, chị, em cùng đứng tên quyền sử dụng đất quản lý, sử dụng, không yêu hoàn trả lại giá trị cho bà C2.

- Tại đơn khởi kiện độc lập và các lời khai trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thanh M1 trình bày:

Bà M1 thống nhất theo ý kiến trình bày của ông D. Khi bà X tặng cho ông D phần đất diện tích 586,1m² thuộc thửa 310 thì các anh chị em trong gia đình đều biết và không ai tranh chấp. Tuy nhiên, để có lối đi thuận tiện cho các anh, chị, em vào khu nhà mồ của cha mẹ và để có nơi chôn cất bà X lúc trăm tuổi già, bà M1 có đơn khởi kiện độc lập yêu cầu ông D và bà C2 tách phần lối đi và khu nhà mồ có tổng diện tích 90,7m², thuộc thửa 310, đất trồng cây lâu năm (theo sơ đồ tách diện tích đất của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long) để các anh, chị, em cùng đứng tên quyền sử dụng đất.

- Tại đơn yêu cầu độc lập và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh L2, ông Nguyễn Thành Q cùng trình bày:

Bà H, bà L2 và ông Q thống nhất với lời trình bày của bà X và ông D về họ tên cha, mẹ, về nguồn gốc phần đất tranh chấp tại thửa 310 diện tích 586,1m², tọa lạc Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Các ông bà xác định phần đất thửa 310 không phải là di sản thừa kế của cụ M2 và cụ N; sau khi bà X đứng tên quyền sử dụng đất thì bà X có làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông D phần đất thửa 310, diện tích 586,1m², tọa lạc Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; việc ông D đứng tên phần đất thửa 310 thì các anh, chị, em không ai tranh chấp.

Đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, ông Q, bà H và bà L2 không có ý kiến gì mà để Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, để có lối đi thuận tiện cho các anh, chị, em vào khu nhà mồ của cha mẹ và để có nơi chôn cất bà X lúc trăm tuổi già, ông Q, bà H và bà L2 có đơn khởi kiện độc lập yêu cầu ông D và bà C2 tách phần lối đi có chiều ngang 3m chiều dài đến khu nhà mồ của cha mẹ và tách khu đất chôn cha mẹ để các anh chị em đồng đứng tên quyền sử dụng đất.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DSST, ngày 31 tháng 5 năm 2022, Tòa án Nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 165, 166, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 467 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 166, 169, 170, 202, 203 Luật đất đai năm 2013; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Nguyễn Thành C1, bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh X, ông Nguyễn Thành L1.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh L2, ông Nguyễn Thành Q.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Nguyễn Thị Thanh M1.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh X về việc yêu cầu ông Nguyễn Thành D và bà Phạm Thị C2 trả lại phần đất 126,9m², thửa 310-2, loại đất ở nông thôn và cây lâu năm, trong đó có 60m² đất ở nông thôn và 66,9m² đất cây lâu năm để bà Nguyễn Thị Thanh X đứng tên quyền sử dụng đất.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Thành C1, ông Nguyễn Thành L1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Thành D và bà Phạm Thị C2 trả lại phần đất theo đo đạc thực tế là 126,6m², thửa 310-3, loại đất ở nông thôn và cây lâu năm, trong đó có 60m² đất ở nông thôn và 66,6m² đất cây lâu năm để bà X, bà T, ông C1, ông L1, bà H, bà L2, ông Q, bà M1 cùng đứng tên quyền sử dụng đất.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Thành D, bà Phạm Thị C2 giao phần đất diện tích 90,7m² (gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 1), loại đất cây lâu năm, thuộc thửa 310 cho ông Nguyễn Thành D, bà Nguyễn Thị Thanh X, bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Thành C1, ông Nguyễn Thành L1, bà Nguyễn Thị Thanh M1, ông Nguyễn Thành Q, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh L2 quản lý, sử dụng.

Buộc ông Nguyễn Thành D và bà Phạm Thị C2 giao phần đất có diện tích 90,7m² (gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 1), loại đất cây lâu năm, thuộc thửa 310 để cho ông Nguyễn Thành D, bà Nguyễn Thị Thanh X, bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Thành C1, ông Nguyễn Thành L1, bà Nguyễn Thị Thanh M1, ông Nguyễn Thành Q, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh L2 quản lý, sử dụng.

Về cây trồng, hàng rào và vật kiến trúc trên phần đất 90,7m², thuộc thửa 310 thì ai được giao đất được quyền quản lý, sử dụng. Các bên không phải có nghĩa vụ bồi thường giá trị cây trồng, hàng rào và vật kiến trúc trên đất.

(Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/8/2020 và Sơ đồ tách diện tích đất của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long).

4. Các đương sự được giao đất có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí khảo sát đo đạc, định giá, án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

- Ngày 10/6/2022, các nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh X, ông Nguyễn Thành L1, bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Thành C1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với yêu cầu:

+ Buộc ông Nguyễn Thành D và bà Phạm Thị C2 giao trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh X phần đất diện tích 126,9m², trong đó có 60m² đất ở nông thôn và 66,9m² đất cây lâu năm, thửa 310-2 nằm chung trong 586,1m² đất thổ quả, tờ bản đồ số 15, thửa đất 310, tọa lạc tại Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do ông D và bà C2 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

+ Buộc ông Nguyễn Thành D và bà Phạm Thị C2 giao trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh X, ông Nguyễn Thành L1, bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Thành C1 phần đất diện tích 126,6m², trong đó có 60m² đất ở nông thôn và 66,6m² đất cây lâu năm, thửa 310-3 nằm chung trong 586,1m² đất thổ quả, tờ bản đồ số 15, thửa đất 310, tọa lạc tại Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do ông D và bà C2 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà Nguyễn Thị Thanh X, ông Nguyễn Thành L1, bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Thành C1 đứng tên quyền sử dụng đất chung để sử dụng làm đất hương hỏa chôn cất cha mẹ theo nguyện vọng của cha các nguyên đơn là ông Nguyễn Thành Minh.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, cụ thể là yêu cầu ông D và bà C2 giao tách thửa 310-3, diện tích 126,6m² (trong đó có 60m² đất ở tại nông thôn và 66,6m² đất trồng cây lâu năm), tọa lạc tại Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long cho 09 anh chị em của ông D gồm bà X, bà T, ông C1, ông L1, bà H, bà L2, ông Q, bà M1 và ông D cùng quản lý, sử dụng và cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các bị đơn do ông D đại diện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thanh M1 và Nguyễn Thành Q thống nhất với toàn bộ yêu cầu nêu trên của các nguyên đơn.

Ngoài ra, các đương sự và người đại diện hợp pháp của các đương sự cùng thống nhất: Đối với các tài sản gắn liền tách thửa 310-3 của ông D và bà C2 thì bà X, bà T, ông C1, ông L1, bà H, bà L2, ông Q, bà M1 và ông D cùng quản lý, sử dụng; bà X, bà T, ông C1, ông L1, bà H, bà L2, ông Q và bà M1 không phải hoàn trả giá trị các tài sản này lại cho ông D và bà C2. Đối với chi phí đo đạc, định giá, các nguyên đơn thống nhất cùng chịu.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thanh H và Nguyễn Thị Thanh L2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H và bà L2.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn, xét thấy:

[2.1] Tại phiên tòa, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Cụ thể:

- Ông Nguyễn Thành D và bà Phạm Thị C2 có nghĩa vụ giao tách thửa 310-3, diện tích 126,6m² (trong đó có 60m² đất ở tại nông thôn và 66,6m² đất trồng cây lâu năm), tọa lạc tại ấp An Điền 2, xã Trung Hiếu, huyện Vũng L1, tỉnh Vĩnh Long cho 09 anh chị em ông D gồm bà Nguyễn Thị Thanh X, bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Thành C1, ông Nguyễn Thành L1, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh L2, ông Nguyễn Thành Q, bà Nguyễn Thị Thanh M1 và ông Nguyễn Thành D cùng quản lý, sử dụng và cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Bà Nguyễn Thị Thanh X, bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Thành C1, ông Nguyễn Thành L1, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh L2, ông Nguyễn Thành Q, bà Nguyễn Thị Thanh M1 và ông Nguyễn Thành D được quyền quản lý, sử dụng các tài sản của ông D và bà C2 gắn liền tách thửa 310-3. Bà X, bà T, ông C1, ông L1, bà H, bà L2, ông Q và bà M1 không phải hoàn trả giá trị các tài sản này lại cho ông D và bà C2.

- Các nguyên đơn cùng chịu toàn bộ chi phí đo đạc, định giá là 3.257.000đ.

[2.2] Xét thấy, sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về án phí:

Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên các nguyên đơn kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà T và ông C1 mỗi người 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà các ông bà đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long ngày 10/6/2022.

Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại như sau: Ông D và bà C2 chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự khác không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông L1, ông C1 và bà T

mỗi người 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà các ông, bà đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DSST ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Tòa án Nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Ông Nguyễn Thành D và bà Phạm Thị C2 có nghĩa vụ giao tách thửa 310-3, diện tích 126,6m² (trong đó có 60m² đất ở tại nông thôn và 66,6m² đất trồng cây lâu năm), tọa lạc tại Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long cho 09 anh chị em của ông Nguyễn Thành D gồm bà Nguyễn Thị Thanh X, bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Thành C1, ông Nguyễn Thành L1, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh L2, ông Nguyễn Thành Q, bà Nguyễn Thị Thanh M1 và ông Nguyễn Thành D cùng quản lý, sử dụng và cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phần đất này gồm các mốc {5,6,7,8,5}.

(Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/8/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đính kèm).

2. Bà Nguyễn Thị Thanh X, bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Thành C1, ông Nguyễn Thành L1, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh L2, ông Nguyễn Thành Q, bà Nguyễn Thị Thanh M1 và ông Nguyễn Thành D được quyền quản lý, sử dụng các tài sản của ông Nguyễn Thành D và bà Phạm Thị C2 gắn liền tách thửa 310-3, diện tích 126,6m², tọa lạc tại Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Bà X, bà T, ông C1, ông L1, bà H, bà L2, ông Q và bà M1 không phải hoàn trả giá trị các tài sản này lại cho ông D và bà C2.

3. Bà X, bà T, ông C1, ông L1, bà H, bà L2, ông Q, bà M1 và ông D có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí đo đạc, định giá:

Bà Nguyễn Thị Thanh X, bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Thành C1 và ông Nguyễn Thành L1 tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đo đạc, định giá tài sản là 3.257.000đ (Ba triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng); các đương sự đã nộp đủ.

Về án phí:

Căn cứ các điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thành D và bà Phạm Thị C2 chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự khác không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Thành L1 và ông Nguyễn Thành C1 mỗi người 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà các ông, bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long theo các biên lai thu số 0007841, 0007840 và 0007839, cùng ngày 19/12/2019.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh X, bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Thành L1 và ông Nguyễn Thành C1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Thành C1 mỗi người 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà các ông, bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long theo các biên lai thu số 0008451 và 0008452, cùng ngày 10/6/2022.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh VL;
- TAND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Hà